

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2026/HS-ST**
Ngày: 16 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Đức Hiếu

+ Bà Dương Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Đà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2026/TLST-HS-NCTN ngày 20 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HSNCTN ngày 02 tháng 6 năm 2026 đối với:

1. Bị cáo: Lờ A H, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 9 năm 1994, tại xã L, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai; số định danh cá nhân: 015094001713; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lờ A C, sinh năm 1942 và bà Giàng Thị S, sinh năm 1944; vợ là Giàng Thị M, sinh năm 1995, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Bị cáo: Lờ A T, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 08 tháng 02 năm 2003, tại xã L, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai; số định danh cá nhân: 015203002835; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lờ A C, sinh năm 1942 và bà Giàng Thị S, sinh năm 1944; vợ là Giàng Thị S1 (chưa đăng ký kết hôn); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Bị cáo: Lờ A L, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 12 năm 2003, tại xã L, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai; số định danh cá nhân: 015203007899; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc:

Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò A G, sinh năm 1966 và bà Giàng Thị D, sinh năm 1961; vợ là Giàng Thị D1, sinh năm 2003, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 24/7/2025 Lò A bị Hạt Kiểm lâm khu vực Mù Cang C1 xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 66/QĐ-XPHC (Đã nộp phạt). Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Bị cáo: Sùng A K, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 15 tháng 9 năm 2000, tại xã L, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai; số định danh cá nhân: 015200002999; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng A B, sinh năm 1979 và bà Lò Thị C2, sinh năm 1984; vợ là Lò Thị D2, sinh năm 2000, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò A H và Lò A:* Ông Nông Đức T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng A K và Lò A:* Ông Nguyễn Đức D3 - Luật sư do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L cử. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1: Đại diện theo pháp luật Ông Trần Xuân D4 - Giám đốc Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1, địa chỉ: Thôn A, xã M, tỉnh Lào Cai. Đại diện theo ủy quyền: Ông Sùng A T2, sinh năm 1972, Phó giám đốc Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1; trú tại Thôn T là, xã K, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cộng đồng dân cư bản số 4 thôn H, xã L - Đại diện: ông Cứ A D5; Địa chỉ: Bản H, xã L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Hờ Trung T3; trú tại: Thôn T, xã H, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhu cầu cần gỗ để làm nhà, chiều ngày 18/12/2025, Lò A H điện thoại cho Lò A, Sùng A K và Lò A, nội dung nhờ Lò A, Sùng A K và Sùng A T4 cùng đi lên khu vực rừng đặc dụng, là rừng tự nhiên, thuộc thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai chặt hạ, xẻ, khai thác gỗ giúp H về làm nhà, L, K và T4 đồng ý. Lò A H là người chuẩn bị các vật dụng, công cụ cần thiết phục vụ cho việc khai thác gỗ. Khoảng 21 giờ ngày 18/12/2025 Ký, T4 tập trung tại nhà H, sau đó H điều khiển xe mô tô biển số 29V5 - 03781 chở theo 01 đèn điện, 01 cửa xăng, 01 can dầu và 01 ba lô thực phẩm, đồ ăn; Tu điều khiển xe mô tô biển số 25AM-00347 chở Ký và 01 can xăng cùng đi vào khu vực rừng đặc dụng nêu trên. Khi cả 03 đi gần đến nơi, thì Lò A L điều khiển xe mô tô biển số 21G1-

034.37 đến, rồi tất cả để xe mô tô lại tại bìa rừng và cùng nhau mang vác các vật dụng đã chuẩn bị, đi bộ sâu vào trong rừng, nơi có những cây gỗ mà Lò A H đã để ý, chọn từ trước. Trong thời gian từ khoảng 22 giờ ngày 18/12/2025 đến 11 giờ ngày 19/12/2025, Lò A, Lò A L, Sùng A K và Lò A T4 đã cùng nhau chặt hạ, xẻ 02 cây gỗ.

Cây thứ nhất: Lò A H dùng cưa, cưa hạ đổ và cắt thành 03 lóng khúc, sau đó Ký và L hỗ trợ trong việc kê đà, lật cây, H và T4 thay nhau xẻ 02 lóng khúc thành 34 thanh tấm có kích thước 0,07m x 0,14m x 3,3m, còn lại 01 lóng khúc các bị can chưa xẻ thành các thanh tấm.

Cây thứ hai: Lò A H dùng cưa, cưa hạ đổ và cắt thành 05 lóng khúc gồm cả phần ngọn cây (Phần ngọn cây có 03 nhánh, một trong ba nhánh đã bị gãy làm đôi trong quá trình chặt hạ, Cơ quan giám định xác định phần ngọn cây là 04 lóng khúc). Sau đó K và L tiếp tục hỗ trợ kê đà, lật cây, H và T4 thay nhau xẻ, bóc phần bì, bắp của 01 lóng khúc.

Sau khi đã chặt hạ, xẻ 02 cây gỗ nêu trên, Lò A nhìn thấy gần đó có 01 cây gỗ đã bị cắt đổ từ trước nên đã cắt ra thành 01 lóng khúc, mục đích là để thử cưa, thì bị tổ công tác của Hạt kiểm lâm khu vực Mù Cang C1 phát hiện lập biên bản thu giữ vật chứng.

* Tại kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số: 65-2026/KLGD-LNNĐ ngày 13/01/2026 của V nhiệt đới, Liên hiệp các Hội Khoa học và K1 kết luận:

- Xác định tên loại loài gỗ, nhóm gỗ bị chặt hạ, khai thác:

+ 01 (một) mẫu gỗ kí hiệu M1 tên Việt Nam T (Vối thuốc), tên khoa học S2 wallichii, thuộc nhóm VI (Trong bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước ngày 26/11/1977)

+ 02 (hai) mẫu gỗ kí hiệu M2, M3 tên Việt Nam M, tên khoa học M3 (M4), thuộc nhóm IV (Trong bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước ngày 26/11/1977).

- Xác định tình trạng bảo tồn theo quy định của pháp luật: Cả hai loài Trín (Vối thuốc), tên khoa học S2 wallichii và M1, tên khoa học M2 conifera (M5) không nằm trong Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT, ngày 31/12/2025 của Bộ N quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Hai loại gỗ trên không thuộc những loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm cần ưu tiên bảo vệ theo quy định hiện hành).

* Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 01-2026/KL/TCGD ngày 29/01/2026 của Tổ chức giám định tư pháp Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai kết luận:

1. Vị trí lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính của các cây gỗ bị chặt hạ, khai thác:

- Vị trí gốc cây thứ nhất: Có tọa độ X: 427689, Y: 2408380, thuộc lô E, khoảnh 9, Tiểu khu C, thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai thuộc diện tích do Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1 quản lý.

- Vị trí gốc cây thứ hai: Có tọa độ X: 427860, Y: 2408227; thuộc lô 1, khoảnh A, Tiểu khu C, thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai thuộc diện tích do Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1 quản lý.

- Vị trí 01 thân cây gỗ đã bị cưa đổ từ trước không xác định được vị trí gốc cây, có tọa độ X: 427850, Y: 2408241, thuộc lô A, khoảnh 11, Tiểu khu C, thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai thuộc diện tích do Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1 quản lý.

2. Loại rừng, chức năng rừng, chủ quản lý diện tích rừng có các cây gỗ bị chặt hạ, khai thác:

Loại rừng là rừng tự nhiên, chức năng là rừng đặc dụng, chủ quản lý là Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1 - Hạt Kiểm lâm Khu vực Mù Cang C1, Chi cục Kiểm lâm L5 đã giao cho Cộng đồng dân cư bản số 4 thôn H, xã L quản lý.

3. Số lượng, khối lượng lâm sản của các cây gỗ bị khai thác:

- Vị trí gốc cây thứ nhất: Có tọa độ X: 427689, Y: 2408380; thuộc lô 5, khoảnh I, Tiểu khu C, hướng thân cây đổ theo hướng T; 34 thanh, tấm đã được đưa về Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1 bảo quản; tại hiện trường còn 01 lóng, khúc. Tổng khối lượng lâm sản bị khai thác là 2,514 m³ gỗ tròn.

- Vị trí gốc cây thứ hai: Có tọa độ X: 427860, Y: 2408227; thuộc lô 1, khoảnh A, Tiểu khu C, hướng thân cây đổ theo hướng Đ; tại hiện trường có 08 lóng, khúc. Tổng khối lượng lâm sản bị khai thác là 3,36 m³ gỗ tròn.

- Tại vị trí tọa độ X: 427850, Y: 2408241, thuộc lô A, khoảnh 11, Tiểu khu C có 01 lóng khúc, là thân cây gỗ đã bị cưa đổ từ trước, không xác định được vị trí gốc cây. Khối lượng lâm sản là 0,29 m³ gỗ tròn.

Tổng số lượng, khối lượng lâm sản thiệt hại là 6,164m³ gỗ tròn.

* Tại Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2026 của UBND phường Y, kết luận: Giá trị thiệt hại của 6,164 m³ thuộc nhóm IV và nhóm VI là 30.820.000 đồng. Thiệt hại 02 cây gỗ các bị cáo chặt hạ là có tổng khối lượng 5,874 m³, gây thiệt hại về tài sản, trị giá 29.370.000 đồng.

Cáo trạng số: 27/CT-VKS-KV4 ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai truy tố các bị cáo Lờ A, Lờ A T, Lờ A và Sùng A K về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo Lờ A H, Lờ A T, Lờ A và Sùng A K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự Khu bảo tồn Loài và sinh cảnh Mù Cang C1 trình bày: Các bị cáo Lờ A, Lờ A T, Lờ A L và Sùng A K gây thiệt hại khối lượng lâm sản là 5,874 m³, gây thiệt hại về tài sản, trị giá 29.370.000 đồng (Hai mươi

chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Các bị cáo chưa vận chuyển số lâm sản ra khỏi rừng đã thu hồi. Tại phiên tòa không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Người đại có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Cộng đồng dân cư bản số 4 thôn H, xã L vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn xin vắng mặt không yêu cầu đề nghị bồi thường gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lờ A, Lờ A T, Lờ A và Sùng A K về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử

- Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo L1 A H từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lờ A L từ 09 tháng tù đến 11 tháng tù.

- Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lờ A T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng.

- Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Sùng A K từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4, Điều 232 của Bộ luật hình sự đối với cả 04 bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy: 01 can nhựa màu trắng loại 10 lít; 01 can nhựa màu trắng loại 5 lít, đều đã qua sử dụng; 01 đèn điện màu đen không nhãn mác, có dây đeo màu đỏ đen cũ đã qua sử dụng;

Tịch thu phát mại nộp Ngân sách Nhà nước gồm: 01 cửa xăng màu cam nhãn hiệu Huspanda 365; 34 thanh tấm gỗ có kích thước 0,07m x 0,14m x 3,3m.

Đối với 10 lông, khúc gỗ tại hiện trường không mang về được giao cho Khu bảo tồn Loài và sinh cảnh Mù Cang C1 quản lý, để tự phân hủy tại hiện trường nhằm tái tạo hệ sinh thái môi trường rừng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được miễn nộp tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lờ A H và Lờ A phát biểu quan điểm: Nhất trí với tội danh, điều luật cần áp dụng của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét thêm các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cả hai bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lờ A H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Xử phạt Lờ A Tu 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo. Cho các bị cáo Lờ A L và Sùng A K được miễn nộp tiền án phí.

Người bào chữa cho bị cáo Lờ A L và Sùng A K phát biểu quan điểm: Nhất trí với tội danh, điều luật cần áp dụng và các đề xuất của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét thêm các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn tham gia vào việc phạm tội với vai trò thứ yếu, cả hai bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lờ A L 2 và Sùng A K mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo. Cho các bị cáo Lờ A L và Sùng A K được miễn nộp tiền án phí.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa không có ý kiến bổ sung gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhất thời phạm tội, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh C, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Lờ A, Lờ A T, Lờ A và Sùng A K tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định với vật chứng đã được thu giữ sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Lờ A, Lờ A T, Lờ A và Sùng A K là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rõ việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn

cố ý thực hiện. Trong thời gian từ khoảng 22 giờ ngày 18/12/2025 đến 11 giờ ngày 19/12/2025, tại lô 5 khoảnh 9 và lô 1 khoảnh 11 tiểu khu C, rừng tự nhiên, chức năng là rừng đặc dụng thuộc thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai, do Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang C1 quản lý, Lò A, Lò A T, Lò A và Sùng A K đã trực tiếp sử dụng đèn điện, cưa xăng (Cưa máy), cắt, chặt hạ, khai thác trái phép 02 cây gỗ, gồm gỗ Trín (Vối thuốc) thuộc loài gỗ thông thường tại tọa độ X 427702.847; Y 2408374.432 và 01 cây gỗ Mỡ, thuộc loài gỗ thông thường tại tọa độ X 427848.137; Y 2408231.656, có tổng khối lượng 5,874 m³, gây thiệt hại về tài sản, trị giá 29.370.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Do đó hành vi của các bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản” theo qui định tại điểm e khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Do đó, Cáo trạng truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Lò A H, Lò A T, Lò A và Sùng A K là chính xác, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đây là vụ án đồng phạm tuy nhiên các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc cụ thể, cấu kết chặt chẽ từ trước mà thống nhất cùng thực hiện hành vi phạm tội nên được xác định là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo khác nhau nhưng các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với hành vi Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, nhưng cũng cần phải xem xét: Bị cáo Lò A H là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, nên hành vi của Lò A H tính chất mức độ nguy hiểm hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo Lò A L đã một lần bị xử phạt hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản, Lò A T và Sùng A K là đồng phạm thực hành tích cực nên trách nhiệm hình sự của Lò A H cao hơn Lò A L2, trách nhiệm hình sự của Lò A L cao hơn Lò A T và Sùng A K.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước, xâm phạm đến sự phát triển bền vững tài nguyên - Môi trường rừng, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Vì vậy, cần phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét nhân thân: Trước thời điểm phạm tội các bị cáo Lò A, Lò A T và Sùng A K không có tiền án, tiền sự chấp hành tốt đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước thể hiện bị cáo là người có nhân thân tốt, bị cáo L1 A Lầu tháng 7/2025 bị xử phạt hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép xác định là người có nhân thân chưa tốt.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 04 bị cáo sau khi phạm tội thành khẩn khai báo; cả 04 bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i và s khoản 1

Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cần áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả 04 bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân các bị cáo và căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Cả 04 bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống dựa vào nương đồi ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo L1 A H với vai trò là người rủ rê, cũng là người thực hành tích cực, bị cáo Lờ A L đã một lần bị xử lý hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo Lờ A H và Lờ A L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới đủ điều kiện giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Các bị cáo Lờ A T và Sùng A K thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu, là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho cả hai bị cáo Lờ A T và Sùng A K được hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo Lờ A T và Sùng A K trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Cả 04 bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4, Điều 232 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[7] Các vấn đề khác:

Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- 01 can nhựa màu trắng loại 10 lít; 01 can nhựa màu trắng loại 5 lít, đều đã qua sử dụng; 01 đèn điện màu đen không nhãn mác, có dây đeo màu đỏ đen cũ đã qua sử dụng đèn nay không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 cửa xăng màu cam nhãn hiệu Huspanda 365; 34 thanh tấm gỗ có kích thước 0,07m x 0,14m x 3,3m tịch thu phát mại để nộp Ngân sách Nhà nước

- 10 lóng, khúc gỗ tại hiện trường vụ án do địa hình đi lại khó khăn không mang về được giao cho Khu bảo tồn Loài và sinh cảnh Mù Cang C1 quản lý để tự phân hủy tại hiện trường nhằm tái tạo hệ sinh thái môi trường rừng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự Khu bảo tồn Loài và sinh cảnh Mù Cang C1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường, người có quyền lợi liên quan Cộng đồng dân cư bản số 4 thôn H, xã L không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô biển số 29V5 - 03781 bị cáo Lờ A mượn của anh L1 A T5; 01 xe mô tô biển số 21G1 - 034.37 bị cáo Lờ A T mượn của Lờ A L3; 01 xe mô tô biển số 25A1 - 00374 bị cáo Lờ A mượn của Giàng A S3, các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi phạm tội không nói cho các chủ sở hữu biết, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lờ A, Lờ A T, Lờ A và Sùng A K phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lờ A H **01** (*một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Lờ A tự nguyện hoặc bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lờ A L **09** (*chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Lờ A tự nguyện hoặc bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lờ A T **08** (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án ngày 16-6-2026.

- Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Sùng A K **08** (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án 16-6-2026.

Giao các bị cáo Lờ A T và Sùng A K cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo Lờ A T và Sùng A K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Lờ A T và bị cáo Sùng A K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Về Vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ khoản 1 Điều 47 khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 can nhựa màu trắng loại 10 lít; 01 can nhựa màu trắng loại 5 lít, đều đã qua sử dụng; 01 đèn điện màu đen không nhãn mác, có dây đeo màu đỏ đen cũ đã qua sử dụng.

+ Tịch thu phát mại để nộp Ngân sách Nhà nước: 01 cửa xăng màu cam nhãn hiệu Huspanda 365; 34 thanh tấm gỗ có kích thước 0,07m x 0,14m x 3,3m.

+ Giao 10 lóng, khúc gỗ tại hiện trường vụ án do địa hình đi lại khó khăn không mang về được cho Khu bảo tồn L4 và sinh cảnh Mù Cang C1 quản lý và để tự phân hủy tại hiện trường nhằm tái tạo hệ sinh thái môi trường rừng.

Các vật chứng, tài sản nêu trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra ào Cai và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo Lờ A H, Lờ A T, Lờ A và Sùng A K được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Các bị cáo Lờ A H, Lờ A T, Lờ A và Sùng A K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT, CA tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án hình sự (08);
- UBND xã Lao Chải (TB);
- Các Bị cáo (04);
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa (02);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thành Long